|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập**–**Tự do**–**Hạnh phúc** | | Số:/2017/TT-BTC | *Hà Nội, ngày tháng năm 2017* | |  |  |   **THÔNG TƯ**  **Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng**  **phí thẩm định, công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch và phí thẩm**  **định, công nhận hạng cơ sở kinh doanh dịch vụ đạt tiêu chuẩn**  **phục vụ khách du lịch**    *Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*  *Căn cứ Luật du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;*  *Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*  *Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*  *Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,*  *Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch và phí thẩm định, công nhận hạng cơ sở kinh doanh dịch vụ đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.*  **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**  1. Phạm vi điều chỉnh  Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch và phí thẩm định, công nhận hạng cơ sở kinh doanh dịch vụ đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.     2. Đối tượng áp dụng  Thông tư này áp dụng đối với:  a) Tổ chức, cá nhân kinh doanh lưu trú du lịch và kinh doanh dịch vụ du lịch tại Việt Nam nộp hồ sơ đề nghị công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch và công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch;  b) Cơ quan có thẩm quyền thực hiện quản lý nhà nước về cơ sở lưu trú du lịch và cơ quan kinh doanh dịch vụ du lịch quy định tại Luật du lịch;  c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch và phí thẩm định, công nhận hạng cơ sở kinh doanh dịch vụ đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.  **Điều 2. Người nộp phí**  Tổ chức, cá nhân kinh doanh lưu trú du lịch và kinh doanh dịch vụ du lịch tại Việt Nam khi nộp hồ sơ đề nghị công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch và công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định tại Luật du lịch và Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật du lịch phải nộp phí thẩm định, công nhận hạng theo quy định tại Thông tư này.  **Điều 3. Tổ chức thu phí**  Tổng cục Du lịch, Cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh là tổ chức thu phí.  **Điều 4. Mức thu phí**  Mức thu phí được quy định như sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Tên phí** | **Mức thu**  (VNĐ/giấy phép) | | **I** | **Thẩm định, công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch (bao gồm thẩm định, công nhận hạng mới và thẩm định, công nhận hạng lại)** |  | | 1 | Hạng 1 sao, 2 sao, | 1.500.000 | | 2 | Hạng 3 sao | 2.000.000 | | 3 | Hạng 4 sao, 5 sao | 3.500.000 | | **II** | **Thẩm định, công nhận hạng cơ sở kinh doanh dịch vụ đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (bao gồm thẩm định, công nhận hạng mới và thẩm định, công nhận hạng lại)** | 1.000.000 |   **Điều 5. Kê khai, nộp phí**  1. Chậm nhất là ngày 5 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.  2. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp phí thu được theo tháng và quyết toán theo năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 26 của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.  **Điều 6. Quản lý và sử dụng phí**  1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thẩm định và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định.  2. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước thuộc diện khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí thì được trích để lại 90% tổng số tiền phí thẩm định thu được để chi cho hoạt động thẩm định, thu phí và nộp 10% vào ngân sách nhà nước. Tiền phí được để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.  **Điều 7. Tổ chức thực hiện**  1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và thay thế Thông tư số 178/TT-BTC ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, phân hạng cơ sở lưu trú du lịch và phí thẩm định, phân hạng cơ sở kinh doanh dịch vụ đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.  2. Các nội dung khác liên quan đến thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).  3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.   |  |  | | --- | --- | | ***Nơi nhận:***  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;  - Kiểm toán nhà nước;  - Công báo;  - Cổng thông tin điện tử Chính phủ;  - Uỷ ban nhân dân, Cục Thuế, Sở Tài chính, Kho bạc  nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;  - Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);  - Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;  - Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;  - Lưu: VT, Vụ CST (CST 5). | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**      **Vũ Thị Mai** | |